



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.04S.2025.1610>

KHẢO SÁT TÀI NGUYÊN THỰC VẬT DƯƠC LỚP NGỌC LAN DƯỚI TÁN RỪNG Ở XÃ MĂNG ĐEN VÀ KON PLÔNG THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI

Ngô Thanh Phong^{1*}, Phùng Thị Hằng², Trần Thanh Mến¹ và Huỳnh Phong Phúc¹

¹*Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam*

²*Trường Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: ngophong@ctu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/7/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 16/8/2025; Ngày duyệt đăng: 20/8/2025

Tóm tắt

Xã Măng Đen và xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi được biết đến là vùng có mức độ đa dạng sinh học thực vật cao, với độ che phủ rừng lên tới 78% diện tích, đồng thời còn là vùng thảo dược lớn. Kết quả nghiên cứu có nhiều dược liệu quý được tìm thấy với 158 loài thực vật dược thuộc 145 chi của 59 họ trong lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) đang sinh trưởng và phát triển đa dạng dưới tán rừng của xã Măng Đen và Kon Plông, một số loài tiêu biểu như Sâm Ngọc linh, Lan kim tuyến, Sâm dây, Vàng đắng, Chè dây, Táo mèo, Khổ qua rừng, Xuyên Khung, Xạ đen, Tam thất, Độc hoạt, Đương quy... Bảng danh lục thực vật dược đã được xây dựng, thể hiện đầy đủ các thông tin khoa học về dạng sống, bộ phận dùng, hoạt chất trong cây và công dụng chữa bệnh, có ý nghĩa thực tiễn trong tra cứu các loài cây làm thuốc để khai thác hiệu quả và phát triển vùng dược liệu phù hợp với xu hướng hiện nay, cùng với việc bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thực vật dược thuộc lớp Ngọc Lan.

Từ khóa: *Công dụng chữa bệnh, Dưới tán rừng, Kon Plông, Măng Đen, Tài nguyên thực vật dược*

Trích dẫn: Ngô, T. P., Phùng, T. H., Trần, T. M., & Huỳnh, P. P. (2025). Khảo sát tài nguyên thực vật dược lớp Ngọc lan dưới tán rừng ở xã Măng Đen và Kon Plông thuộc tỉnh Quảng Ngãi. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(04S), 402-417. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.04S.2025.1610>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**SURVEY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN THE
MAGNOLIOPSIDE CLASS UNDER THE FOREST CANOPY
IN MANG DEN AND KON PLONG COMMUNES,
QUẢNG NGÃI PROVINCE**

Ngo Thanh Phong^{1*}, Phùng Thị Hằng², Trần Thanh Mến¹, and Huỳnh Phong Phúc¹

¹*College of Natural Sciences, Can Tho University, Vietnam*

²*School of Education, Can Tho University, Vietnam*

**Corresponding author, Email: ngophong@ctu.edu.vn*

Article history

Received: 04/7/2025; Received in revised form: 16/8/2025; Accepted: 20/8/2025

Abstract

*Mang Den and Kon Plong Communes, Quang Ngai Province is known as an area with high biodiversity of plants, with forest coverage of up to 78% of the area, and is also a large medicinal herb area. Research results show that many valuable medicinal herbs were found with 158 medicinal plant species belonging to 145 genera of 59 families in the Magnoliopsida class growing and developing diversely under the forest canopy of the Mang Den and Kon Plong Communes, some typical species such as *Panax vietnamensi*, *Anoectochilus setaceus*, *Codonopsis javanica*, *Coscinium fenestratum*, *Ampelopsis cantoniensis*, *Docynia indica*, *Momordica charantia*, *Ligusticum wallichii*, *Celastrus hindsii*, *Panax pseudoginseng*, *Angelica pubescens*, *Angelica sinensis*... The list of medicinal plants has been built, showing full scientific information about life forms, used parts, active ingredients in plants and medicinal uses, which is of practical significance in looking up medicinal plants to effectively exploit and develop medicinal areas in line with current trends, along with the conservation and rational use of medicinal plant resources in the Magnolia class.*

Keywords: *Kon Plong, Mang Den, Medicinal plant resources, Medicinal uses, Under the forest canopy.*

1. Giới thiệu

Hiện nay, việc sử dụng thực vật làm dược liệu trong phòng và chữa bệnh đã và đang trở thành xu hướng phát triển mạnh, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới. Thực vật dược được sử dụng từ rất lâu vì tương đối an toàn và tiện dụng, không những có tác dụng chữa bệnh tốt, mà còn có tác dụng điều hoà, cân bằng sự hoạt động giữa các cơ quan, bộ phận trong cơ thể để có thể duy trì sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống. Ngoài ra, các thực vật dược liệu đã và dễ dàng sử dụng.

Xã Măng Đen và xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi được biết đến là vùng trồng dược liệu lớn với hơn 840 ha. Việc sản xuất dược liệu hiện trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của vùng. Thêm vào đó, đây là một trong những vùng có độ đa dạng sinh học cao nhất cả nước, với độ che phủ rừng lên tới 78% diện tích vùng. Nhiều dược liệu quý được tìm thấy và trồng dưới tán rừng thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm số lượng lớn hơn cả, chúng sinh trưởng và phát triển đa dạng dưới tán rừng. Nguyên cứu này thực hiện trên cơ sở khảo sát thực địa, tổng hợp, đánh giá thực vật thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) đã xây dựng được danh lục với đầy đủ tên khoa học, dạng sống, thành phần hóa học, công dụng dược liệu và các loài cần được bảo tồn dưới tán rừng thuộc xã Măng Đen và xã Kon Plông.

Đánh giá được thực trạng đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc thuộc lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) dưới tán rừng của một số vùng thuộc xã Măng Đen và xã Kon Plông làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe cho người dân ở khu vực nghiên cứu

Nguồn tài nguyên cây thuốc và tri thức bản địa về cây thuốc được xem là tài sản rất có giá trị của mỗi quốc gia. Theo đánh giá của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), cho đến nay, 80% dân số trên thế giới dựa vào nền Y học cổ truyền để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu, trong đó chủ yếu là thuốc từ cây cỏ. Từ nhiều năm trước, ngành Y tế đã phối hợp với Hội Đông y tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân trồng, sử dụng những cây thuốc sẵn có ở địa phương, những bài thuốc đơn giản để tự phòng và chữa một số bệnh thông thường, không những đã góp phần tích cực thực hiện chiến lược chăm sóc và bảo vệ sức khỏe mà còn góp phần tăng sinh kế và cải thiện môi trường (Bộ Y tế, 2024).

Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2166/ QĐ-TTg ngày 30/11/2010 về việc ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển Y dược cổ truyền đến năm 2020 và Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó có một số nội dung cơ bản như khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng thuốc nam, thuốc dân gian, thuốc gia truyền để đưa vào sản xuất quy mô lớn đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Tiếp tục khảo sát, điều tra, nghiên cứu, sưu tầm thống kê các loài cây làm thuốc; sự phân bố, hệ sinh thái và trữ lượng cây làm thuốc, có kế hoạch tổ chức bảo vệ, khai thác tái sinh hợp lý và phát triển bền vững.

Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (cũ), kết quả điều tra bước đầu tỉnh này có khoảng hơn 317 loài thực vật, thuộc hơn 180 chi và 75 họ thực vật có mạch. Cây hạt trần có 12 loài, 5 chi, 4 họ; cây hạt kín có 305 loài, 175 chi, 71 họ; cây một lá mầm có 20 loài, 19 chi, 6 họ; cây 2 lá có mầm 285 loài, 156 chi, 65 họ. Kon Plông được cho là khu vực rừng quan trọng nhất của Việt Nam nằm ngoài hệ thống rừng đặc dụng. Đây không chỉ là khu vực có nhiều loài đặc hữu, quý hiếm mà còn là hành lang kết nối duy nhất giữa khu vực phía Nam dãy Trường Sơn (kết thúc ở Quảng Nam) và khu vực phía Đông dãy Trường Sơn (UBND tỉnh Kon Tum, 2018).

Phần lớn các loài thuộc lớp Ngọc lan đều có công dụng dược liệu. Dược tính và dược lực nhiều hay ít phụ thuộc vào thành phần hóa học và số lượng cây tạo ra trong quá trình sinh trưởng và phát triển. Các loài dược liệu thuộc lớp này sinh trưởng và phát triển ở hầu hết các môi trường sống, đặc biệt là hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới. Chúng chiếm số lượng lớn, dễ tìm kiếm, nhưng khó định dạng bởi sự đa dạng về thành phần loài. Ngày nay, rất nhiều các công trình nghiên cứu và đặc tính hóa học trong cây dược liệu lớp Ngọc lan do tính hiệu quả cao trong việc điều trị. Một số thực vật dược liệu lớp Ngọc lan có hiệu quả chữa trị cao như: Tam thất chứa lượng cao saponin, có tác dụng cầm máu, chữa thổ huyết, chảy máu cam, lý ra máu, ứ huyết sưng đau; Sâm dây chứa nhiều saponin và đường, có tác dụng điều trị tiểu đường và ổn định huyết áp; hay Ba kích có chứa anthraglycosid, vitamin C, giúp ôn thận trợ dương, mạnh gân cốt, khử phong thấp... (Đỗ, 2015).

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

Từ việc xác định các khu vực hành chính của xã Măng Đen và Kon Plông đối chiếu với Google Earth và từ sự quan sát của những chuyến thực địa, đã xác định được 6 tuyến thu mẫu. Các tuyến này đi xuyên qua các sinh cảnh rừng núi đặc trưng ở Măng Đen và Kon Plông. Tiến hành thu tập mẫu và hình ảnh các loài cây thuốc với đầy đủ cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của cây để phục vụ cho việc giám định tên Việt Nam, tên khoa học. Phân tích và xác định tên khoa học của mẫu cây được tiến hành tại Phòng thí nghiệm Thực vật, Bộ môn Sinh học, Khoa Khoa học Tự nhiên, trường Đại học Cần Thơ. Xây dựng danh lục cây thuốc sau khi xác định được tên loài dựa vào hệ thống của Takhtajan (2009), tiến hành sắp xếp các loài, các chi, các họ vào chỉ một ngành thực vật là ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

Bảng 1. Các tuyến và tọa độ khảo sát ở một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông

TT	Tuyến khảo sát	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối	Độ dài tuyến
1	Tuyến 1: Khu vực tán rừng thuộc khu Măng Đen, Đại học Cần Thơ	14° 34' 43.14"N 108° 17' 57.7"E	14° 34' 43.53"N 108° 18' 2.52"E	1200m
2	Tuyến 2: Khu vực trồng dược liệu thuộc xã Kon Plông	14° 39' 31.1"N 108° 17' 52.03"E	14° 39' 34.57"N 108° 18' 8.39"E	900m
3	Tuyến 3: Khu vực thác Pa Sỷ	14° 35' 43.14"N 108° 15' 22.38"E	14° 35' 36.47"N 108° 15' 21.51"E	500m
4	Tuyến 4: Vùng trồng dược liệu thuộc Công ty TNHH Thái Hòa	14° 36' 15.02"N 108° 15' 15.88"E	14° 36' 28.01"N 108° 15' 26.74"E	800m
5	Tuyến 5: Tán rừng thuộc Trạm bảo vệ rừng số 2 Thạch Nham	14° 40' 36.86"N 108° 23' 38.9"E	14° 40' 27.27"N 108° 23' 40.17"E	700m
6	Tuyến 6: Khu vực tán rừng thuộc xã Kon Plông	14° 40' 51.95"N 108° 15' 3.47"E	14° 41' 25.47"N 108° 15' 46.51"E	1600m

Phương pháp phân tích mẫu để xác định tên khoa học dựa theo cuốn “Các phương pháp nghiên cứu thực vật” của Nguyễn (2007). Công việc này được tiến hành qua phân tích đặc điểm hình thái của mẫu cây, kết hợp với việc tra cứu các tài liệu chuyên ngành như: “Cây cỏ Việt

Nam” Quyển I, II và III của Phạm (1999, 2000, 2003), “Tên cây rừng Việt Nam” của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2000), “Từ điển thực vật thông dụng” 1 và 2 của Võ (2003, 2004).

Chỉnh lý tên khoa học: Khi đã có đầy đủ tên loài, tiến hành chỉnh lý tên đầy đủ của loài theo bộ “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” tập I (Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, 2001). Việc xác định cây thuốc đề tài đã dựa vào các tài liệu “Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam” của Đỗ (2015), “Từ điển cây thuốc Việt Nam” của Võ (2022), Thông tư số 40/2013/TT - BYT ngày 18/11/2013 về “Ban hành Danh mục thuốc thiết yếu thuốc Đông y từ dược liệu lần VI (Bộ Y Tế, 2013).

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả xây dựng danh lục các loài thực vật được thuộc lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) dưới tán rừng xã Măng Đen và Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi

Từ kết quả điều tra theo 6 tuyến trong sinh cảnh dưới tán rừng Măng Đen và Kon Plông và từ việc phân loại vào bộ ảnh chụp các loài (xem Atlas), đã lập được bảng danh lục cây thuốc thuộc lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) dưới tán rừng của một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm 158 loài thực vật thuộc 145 chi của 59 họ trong lớp Ngọc Lan (Magnoliopsida) thuộc ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta). Các số liệu thống kê từ việc phân tích trong số 930 mẫu ảnh các loài thực vật và mẫu cây, các mẫu này hiện được lưu giữ tại Phòng thí nghiệm Thực vật, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ. Bảng danh lục được sắp xếp theo hệ thống của Takhtajan (2009) thể hiện đầy đủ các thông tin khoa học về dạng sống, bộ phận dùng, hoạt chất trong cây và công dụng chữa bệnh. Chi tiết được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Đại diện các loài thực vật được dưới tán rừng của một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
I - MAGNOLIOPSIDA		LỚP NGỌC LAN				
1. Amaranthaceae		Họ Dền				
1	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) R.Br. ex DC.	Rau dền	Cd	Tc	1,17,19,20,22,25,26	1,8,10,12,15,23,25
2	<i>Amaranthus viridis</i> L.	Dền cơm	Cd	Tc	17,19,20,22	4,8,20,24
2. Anacardiaceae		Họ Xoài				
3	<i>Rhus chinensis</i> Mill.	Sơn muối	Bu	Tc	2,3,8,9,13,21,24	7,8,13,15,19,25,30,31
3. Annonaceae		Họ Na				
4	<i>Desmos chinensis</i> Lour.	Hoa dẻ thơm	DI	Ho,Re	13,28	1,5,9,20,30,31,34

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
4. Apiaceae		Họ Hoa tán				
5	<i>Angelica acutiloba</i> (Siebold & Zucc.) Kitag.	Đương quy Nhật Bản	Bu	Cu,Re	2,15,10,19,23	9,12,13,14,23,25,29,34
6	<i>Angelica pubescens</i> Maxim.	Độc hoạt	Bu	Cu,Re	2,10,23,28	9,14,20,21,29,34
7	<i>Angelica sinensis</i> (Oliv.) Diels	Đương quy	Bu	Cu,Re	2,15,10,19,23	9,12,13,14,23,25,29,34
8	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urban	Rau má	Cb	Tc	2,3,7,9,15,17,18,23	1,7,8,12,15,16,20,31
9	<i>Eryngium foetidum</i> L.	Mùi gai	Cd	Tc	2,20,22,23	7,8,20,24
10	<i>Ligusticum wallichii</i> DC.	Xuyên khung	Bu	Cu,Re	2,7,8,18,20,23,28	7,9,13,14,16,23,29,34
5. Apocynaceae		Họ Trúc đào				
11	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G.Don	Dừa cạn	Cd	Tc	2,7,13	1,4,13,14,16,20,25,26,27
12	<i>Psychotria serpens</i> L.	Lầu bò	DI	Tc	2,13,17,28	1,9
13	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác vòng	Bu	Re	7,10,16	14,16,20,35
6. Araliaceae		Họ Nhân sâm				
14	<i>Hydrocotyle javanica</i> Thunb.	Rau má rừng	Cb	Tc	8,13,26	1,4,11,12,20,21,22,29
15	<i>Panax pseudoginseng</i> Wall.	Tam thất	Cd	La,Re	13,17,18,26,23,28	4,11,14,16,30,31
16	<i>Panax vietnamensis</i> Ha & Grushv.	Sâm ngọc linh	Cd	Cu,La,Re,Th	1,2,4,11,12,18	4,6,13,14,15,16,20,27,33
17	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms	Đinh lăng	Bu	La,Re,Th	7,9,11,13,18,19	1,5,7,12,20,32
18	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Ngũ gia bì chân chim	Gl	Re,Vo	4,9,11,17,18,23	7,9,16,25,26
19	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Vis.	Thông thảo gai	Gn	Ho,Re,Th	2,19,20	20,23,25,35
7. Asteraceae		Họ Cúc				
20	<i>Acmella paniculata</i> (Wall. ex DC.) R.K.Jansen	Cúc áo chùm tự tán	Cd	Tc	2,7,9,11,12,18	7,8,9,10,27
21	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cỏ cắt lợn	Cd	La,Th	23	1,4,7,9,10,21
22	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Ngải cứu	Cd	La,Th	13,17,23	4,7,9,14,18,22,23,29,30,33
23	<i>Bidens pilosa</i> L.	Xuyến chi	Cd	Tc	7,11,15	8,10,11,20
24	<i>Chromolaena odorata</i> (L.) King & H.E. Robins.	Cỏ lào	Cd	Tc	2,7,9,10,13,18,23	1,10,20,33

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
25	<i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.) S.moore	Rau tàu bay	Cd	La	11,17,19,20,22,25,26	1,6,9,15,20,26,27,28,32,33
26	<i>Cyanthillium cinereum</i> (L.) H.Rob.	Dạ hương nguru	Cd	Tc	3,17,18,27	1,3,5,7,8,9,15,16,20,21
27	<i>Eclipta prostrata</i> L.	Cỏ mực	Cd	La,Th	2,7,19,11,15,17,18,23	1,3,5,9,10,20,29,33
28	<i>Elephantopus mollis</i> Kunth	Chi thiên mền	Cd	Tc	2,8,13,16,27	7,8,10,15,21,25,30
29	<i>Galinsoga parviflora</i> Cav.	Vì cúc	Cd	Tc	7,9,11,13,18,23	9,26,29,33
30	<i>Gnaphalium affine</i> D.Don	Rau khúc tẻ	Cd	Tc	9,23,24	15,25,33,35
31	<i>Gymnanthemum amygdalinum</i> (Delile) Sch.Bip. ex Walp.	Mật gấu	Gn	La,Re,Th	8,13,15,19,25,26	1,9,14,15,16,20,21,26,27,36
32	<i>Gynura bicolor</i> (Roxb. ex Willd.) DC.	Rau lủi	Bu	Tc	4,7,8,11,13,14,17,23	15,25,33,35
33	<i>Gynura japonica</i> (Thunb.) Juel	Thỏ kim thất	Cd	Cu	2,7,8,12,15,17	1,5,8,30
34	<i>Lactuca indica</i> L. Mant. Pl.	Diếp đại	Cd	Tc	2,8,11,12,13	23,25,31,35
35	<i>Synedrella nodiflora</i> (L.) Gaertn.	Bọ xít	Cd	Tc	7,8,9,13,17,18	1,7,9,10,16,21
8. Betulaceae		Họ Cánh lờ				
36	<i>Betula alnoides</i> Buch.-Ham. ex D.Don	Cánh lờ	Gl	La,Vo	2,17	7,8,9,20,21
9. Brassicaceae		Họ Cải				
37	<i>Rorippa indica</i> (L.) Hiern	Cải đất	Cd	Tc	2,8,11,13,15	4,7,8,9,10,12,15,20,25
10. Campanulaceae		Họ Hoa chuông				
38	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f. & Thomson	Sâm dây	Dl	Re	7,11,15,17,19,20,22,23,26	14,16,17,20,21,26,27,31
39	<i>Lobelia nummularia</i> Lam.	Nhã hoa	Cb	Tc	1,7,11,17,19,20,22	1,3,4,6,7,25,35
40	<i>Platycodon grandiflorus</i> (Jacq.) A.DC.	Cát cánh	Cd	Re	4,8,11,13,15,27	12,16,21,26,29,35
11. Cannabaceae		Họ Cần sa				
41	<i>Trema orientalis</i> (L.) Blume	Hu đay	Gn	La,Re	3,11,13,15,17	15,21
12. Caprifoliaceae		Họ Cơm cháy				
42	<i>Lonicera dasystyla</i> Rehder	Kim ngân lá xẻ	Bu	Ho,La,Th	2,11,13,17,18,20,23,28	1,3,7,9,12,15,20,26,29,31
13. Caricaceae		Họ Đu đủ				

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
43	<i>Carica papaya</i> L.	Đu đủ	Kh	Ho,Ht,Qu,Re,Th	3,6,7,19,20,24,26	1,3,4,5,6,7,12,20,21,22,27,31
	14. Caryophyllaceae	Họ Cẩm chướng				
44	<i>Drymaria cordata</i> (L.) Willd. ex Schult.	Tù ti	Cd	Tc	7,8,12,13,18	3,4,7,8,11,15,20,25,35
	15. Celastraceae	Họ Dây gối				
45	<i>Celastrus hindsii</i> Benth.	Xạ đen	Bu	La,Th	4,8,9,12,13,27	1,14,15,16,27
	16. Chloranthaceae	Họ Hoa sói				
46	<i>Hedyosmum orientale</i> Merr. & Chun	Mật hương	Cd	Tc	8,17,23,27	9,29
	17. Convolvulaceae	Họ Bìm				
47	<i>Ipomoea batatas</i> L.	Khoai lang	Cb	La,Re,Th	1,3,17,19,21,22,26	4,11,14,20,25,26,27
	18. Crassulaceae	Họ Thuộc bông				
48	<i>Kalanchoe pinnata</i> (Lam.) Pers.	Thuộc bông	Cd	Tc	2,3,11,28	1,2,8,9,10,11,19,21,27,21,29,33
	19. Cucurbitaceae	Họ Bầu bí				
49	<i>Cucurbita moschata</i> Duchesne ex Poir.	Bí rợ	Cb	Ht,Qu	17,19,22,25,31	11,13,20,27
50	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Giảo cổ lam	Dl	Tc	13,18,19,20,26	13,14,16,20,26,27
51	<i>Momordica charantia</i> L.	Khổ qua rừng	Dl	Ht,Qu,Re	3,11,13,14,18,22	1,2,5,9,11,13,14,16,23,29,32
52	<i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour.) Spreng.	Gấc	Dl	Ht,Qu	2,3,4,9,15,17,18,20,22	1,2,11,13,16,27
53	<i>Sechium edule</i> (Jacq.) Sw.	Su su	Dl	Qu	4,19,20,22,25,26	9,13,14,20,27
	20. Ericaceae	Họ Đỗ quyên				
54	<i>Rhododendron simsii</i> Planch.	Đỗ quyên đỏ	Bu	La,Ho,Re	2,11,13,17,23	1,4,12,33
	21. Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu				
55	<i>Euphorbia hirta</i> L.	Cỏ sữa lá lớn	Cb	Tc	4,4,7,9,13,18,10,20	1,4,5,8,24,25,31
56	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Rù rì	Bu	La,Re,Th	2,3,9,11	6,15,25

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
57	<i>Macaranga tanarius</i> (L.) Müll.Arg.	Mã rạn	Gn	La,Re,Vo	9,11,13	7,20,30,33
58	<i>Macaranga trichocarpa</i> (Zoll.) Müll.Arg.	Ba soi lông sao	Gt	La	13	4
59	<i>Mallotus apelta</i> (Lour.) Müll.Arg.	Bùng bực	Gt	La,Re,Vo	2,7,10,17	1,5,15,17,20,33
60	<i>Manihot esculenta</i> Crantz	Sắn	Bu	La,Re	4,9,18,19,21,22,26	1,9,11,20,23
61	<i>Ricinus communis</i> L.	Thầu dầu	Bu	Ht,La,Re	2,3,5,6,7,9,22,24	1,5,7,12,20,25,28,31
62	<i>Triadica cochinchinensis</i> Lour.	Sòi tía	Gn	La,Re	8,9,13,15,17	1,8,15,20,25
22. Fabaceae		Họ Đậu				
63	<i>Bauhinia purpurea</i> L.	Móng bò tím	Gn	Ho,Ht,La,Vo	3,9,13,17	8,12,15,19,20,33,35
64	<i>Chamaecrista mimosoides</i> (L.) Greene	Muồng trinh nữ	Cb	Tc	2,9,11,12	1,3,8,11,12,20,25,31,35
65	<i>Crotalaria assamica</i> Benth.	Lục lạc lá ôi dài	Cb	Tc	7,13	1,14,25,27,29,33
66	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Sua	Gt	Re,Vo	7,8,11,13,17	13,14,20,35
67	<i>Glycyrrhiza uralensis</i> Fisch. ex DC.	Cam thảo	Bu	La,Re	10,13,17,18,20,21	7,10,13,15,21,27,35
68	<i>Mucuna macrocarpa</i> Wall.	Đậu mèo quả to	Gt	Ho,Vo	2,3,8,17	4,8,9,25
69	<i>Psophocarpus tetragonolobus</i> (L.) D.C.	Đậu rồng	Dl	Tc	1,5,19,20,22,26	9,11,12,23,26
23. Fagaceae		Họ Dẻ				
70	<i>Castanopsis echinocarpa</i> Miq.	Kha thụ mang gai	Gl	Ht	1,19,20,21,22	13,14,16
71	<i>Castanopsis pseudoserrata</i> Hick. & Cam.	Kha thụ nguyên	Gl	Ht	1,19,20,21,22	13,14,16
72	<i>Lithocarpus dealbatus</i> (Hook.f. & Thomson ex Miq.) Rehder	Dẻ trắng	Gl	Ho,Ht	1,19,20,21,22	13,14,16,20,22
24. Hamamelidaceae		Họ Sau sau				
73	<i>Exbucklandia populnea</i> (R.Br. ex Griff.) R.W.Br.	Chấp tay	Gl	Th,Vo	11,13,15	20,22
74	<i>Rhodoleia championii</i> Hook.F.	Hồng quang	Gl	La	x	13,35
25. Hydrangeaceae		Họ Cẩm tú cầu				
75	<i>Hydrangea macrophylla</i> (Thunb.) Ser.	Cẩm tú cầu lá to	Bu	La,Re	2,8,10,13	1,2,9,16,25,26
26. Illiciaceae		Họ Hồi				
76	<i>Illicium parvifolium</i> Merr.	Hồi hoa nhỏ	Bu	Re	x	12,20,32

TT	Tên khoa học		Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
	27. Lamiaceae		Họ Hoa môi				
77	<i>Clerodendrum</i>	<i>cyrtophyllum</i> Turcz.	Bộ mây	Bu	La,Re	8,10,11,13,17	1,5,7,15,29,31,33,35
78	<i>Mentha</i>	<i>aquatica</i> L.	Húng lủi	Cb	La,Th	7,8,9,10,12,13,15,17,19,23,26,27	1,7,16,20,27
79	<i>Perilla</i>	<i>frutescens</i> (L.) Britton	Tía tô	Cd	Ht,La,Th	3,7,8,10,12,13,17,27	1,9,12,13,16,20,27
	28. Lauraceae		Họ Quế				
80	<i>Cinnamomum</i>	<i>iners</i> Reinw. ex Blume	Quế lòn	Gt	Vo	13,17,23	7,9,18,20,21
81	<i>Lindera</i>	<i>aggregata</i> (Sims) Kosterm.	Ô dước	Gn	Re,Vo	7,13,17	13,18,20,22,25
82	<i>Litsea</i>	<i>cubeba</i> (Lour.) Pers.	Mãng tang	Gn	La,Qu,Vo	7,9,17,23	1,4,5,8,9,16,21
	29. Linderniaceae		Họ Lữ đằng				
83	<i>Torenia</i>	<i>asiatica</i> L.	Cỏ bướm	Cd	Tc	x	1,4,7,20,31,35
	30. Magnoliaceae		Họ Ngọc Lan				
84	<i>Magnolia</i>	<i>fordiana</i> (Oliv.) Hu	Giổi	Gt	Tc	17,23	7,9,12,20
	31. Malvaceae		Họ Bông				
85	<i>Urena</i>	<i>lobata</i> L.	Ké hoa đào	Bu	Tc	10,13,17,18	1,4,8,9,10,25,31,35
	32. Melastomataceae		Họ Mua				
86	<i>Blastus</i>	<i>cochinchinensis</i> Lour.	Mua rừng trắng	Bu	Tc	x	13,25
87	<i>Melastoma</i>	<i>affine</i> D.Don	Mua thường	Bu	Tc	9,14	1,9,15,20,23,24,25,29,30
88	<i>Sonerila</i>	<i>plagiocardia</i> Diels	Sơn linh tam thất	Cd	Tc	x	1,11,13,21
	33. Menispermaceae		Họ Tiết dê				
89	<i>Coscinium</i>	<i>fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Vàng đắng	DI	Re,Th	7,11,12,27	13,15,29,31,35
	35. Moraceae		Họ Dâu tằm				
93	<i>Broussonetia</i>	<i>papyrifera</i> (L.) L'Hér. ex Vent.	Dướng	Gt	Tc	2,3,7,10,13,18,19	1,4,8,17,23,25,27,29,30,31
94	<i>Ficus</i>	<i>fulva</i> Reinw. ex Blume	Ngõa lông	Gt	La,Re,Vo	2,7,8,9,13,18	4,9,19,20
95	<i>Ficus</i>	<i>hirta</i> Vahl.	Vú bò bông	Bu	Tc	7,8,10,13,17	3,4,5,6,9,20,25
96	<i>Ficus</i>	<i>hispida</i> L.f.	Ngái	Gn	La,Qu,Th,Vo	7,8,10,11,13,15,17	9,19,20,23,31,35

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
97	<i>Ficus villosa</i> Blume	Sung lông	Dl	Re	x	9
98	<i>Morus australis</i> Poir.	Dâu tằm	Bu	La,Qu,Re	2,4,9,13,14,16,19,20,22,26	2,3,6,11,14,16,20,23,29,26
36. Myrsinaceae		Họ Đơn nem				
99	<i>Ardisia brevicaulis</i> Diels	Huyết tán	Bu	Re	8,12	8,9,13,20,31
100	<i>Ardisia villosa</i> Roxb.	Cơm nguội lông	Bu	Tc	9,18	1,9,20,30
101	<i>Maesa indica</i> (Roxb.) A. DC.	Đơn nem	Bu	La,Qu,Re	11,17,18,19,20,22	1,22,29,31,35
37. Myrtaceae		Họ Sim				
102	<i>Lagerstroemia calyculata</i> Kurz	Bằng lăng	Gt	Vo	7,8,10,13,15,17	1,20,26
103	<i>Psidium guajava</i> L.	Ổi	Gn	La,Qu,Re	1,2,7,8,9,13,19,20,23,25,26	12,13,16,27,29,30
104	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Aiton) Hassk.	Sim	Bu	Qu	2,4,8,11,13,17,20,21,22	6,13,20,23,25
105	<i>Syzygium zeylanicum</i> L. (DC.)	Trâm vò đỏ	Gl	La,Re,Vo	8,11,13,15,17	9,20,22
38. Orobanchaceae		Họ Cỏ chổi				
106	<i>Brandisia swinglei</i> Merr.		Dl	Tc	x	1,9,31,33,35
39. Oxalidaceae		Họ Me đất				
107	<i>Oxalis corniculata</i> L.	Chua me đất hoa vàng	Cb	Tc	2,17,19,26	1,2,7,8,9,10,14,15,16,24,25
40. Passifloraceae		Họ Chanh dây				
108	<i>Passiflora edulis</i> Sims	Chanh dây	Dl	Qu	1,4,8,17,19,26,27	12,13,16,20,26,27
41. Phyllanthaceae		Họ Diệp hạ châu				
109	<i>Antidesma ghaesembilla</i> Gaertn.	Chòi mòi	Gn	La,Th	3,11,13,17	1,3,4,9,16,23
110	<i>Aporosa ficifolia</i> Baill.	Tai nghe lá sung	Gn	Re,Vo	x	7,32
111	<i>Aporosa villosa</i> (Lindl.) Baill.	Thầu tấu	Gn	La	x	9
50. Saururaceae		Họ Diệp cá				
140	<i>Houttuynia cordata</i> Thunb.	Diếp cá	Cd	Tc	2,7,13,17,19,23,26	1,2,4,8,9,10,11,12,19,20,25,27,29
51. Schisandraceae		Họ Ngũ vị tử				
141	<i>Schisandra chinensis</i> (Turcz.) Baill.	Ngũ vị tử	Dl	Qu	2,3,9,13,16,17,20,27	12,14,15,16,27,29,35
52. Simaroubaceae		Họ Thanh thất				

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	BPD	HC	NB
142	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack	Mật nhân	Bu	La,Qu,R e,Th	2,7,15,17	4,6,19,20, 22,27,29
	53. Solanaceae	Họ Cà				
143	<i>Capsicum annuum</i> L.	Ớt hiểm	Bu	Qu,Re,T h	2,23	1,3,7,9,12, 16,18,20,21,32, 35
144	<i>Solanum lycopersicum</i> L.	Cà chua	Cd	Qu	1,2,13,17, 19,20,22,25,26,2 7	11,13,14,20,25, 26,27
145	<i>Solanum nigrum</i> L.	Lu lu đực	Cd	Tc	2,3,7,17,19,22	1,2,4,7,10, 12,15,25,27
146	<i>Solanum viarum</i> Dunal	Cà đại	Cd	Tc	7,9,11,15,17	1,2,7,9,12, 20,25,34
	54. Theaceae	Họ Chè				
147	<i>Camellia sasanqua</i> Thunb.	Chè mai	Gn	Ht,La	8,11,13,17, 23	19,29,31
148	<i>Camellia sinensis</i> (L.) Kuntze	Chè	Bu	La	2,4,7,9,17, 19,20,22,23,24,2 6	13,14,15,16,20, 25,26,27,35
	55. Tropaeolaceae	Họ Sen cạn				
149	<i>Tropaeolum majus</i> L.	Sen cạn	Cb	Tc	3,8,11,14,19	4,9,17,20, 25,31,33,35
	56. Urticaceae	Họ Tầm ma				
150	<i>Gonostegia hirta</i> (Blume ex Hassk.) Miq.	Bọ mắ lông	Cb	Tc	2,3,4,7,9,10,13,1 6,17,20,26	3,4,11,16, 19,20,24,30
	57. Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa				
151	<i>Callicarpa rubella</i> Lindl.	Tu hú hồng	Bu	Tc	11,13,17,23	1,4,9,29,33,35
152	<i>Lantana camara</i> L.	Bông ôi	Bu	La,Ho,R e	15	1,2,7,10,12,20, 28,29
153	<i>Stachytarpheta jamaicensis</i> (L.) Vahl	Đuôi chuột	Bu	Tc	7,9,11,17	1,10,11,12, 18,20,21,22,29
	58. Violaceae	Họ Hoa tím				
154	<i>Viola diffusa</i> Ging. ex DC.	Cải bò rừng	Cd	Tc	x	1,4,8,9,11, 15,20
155	<i>Viola inconspicua</i> Bl.	Cải rừng tía	Cd	Tc	1,11,17,19, 22,25	1,4,6,10,11,31
	59. Vitidaceae	Họ Nho				
156	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn.) K. Koch	Chè dây	DI	La,Re,Th	9,10,11,17	7,10,14,15, 16,20,21,27,29, 33,35

Ghi chú: Một số từ viết tắt trong danh lục

Dạng sống (DS): Gl - gỗ lớn; Gt - gỗ trung; Gn - gỗ nhỏ; Bu - thân bụi; Cb - cỏ bò, nằm hay ngằm; Cd - cỏ đứng; DI – Dây leo thân cỏ hay gỗ hoặc cả leo, bộ, quán; Ks - nhóm cây ký sinh, bán ký sinh; Kh - dạng khác.

Bộ phận dùng (BPD): Tc - toàn cây; La - lá; Th - thân; Re - rễ, củ; Vo - vỏ; Ho - hoa; Qu - quả; Ht - hạt (hột).

4.2. Đa dạng thực vật được ở xã Măng Đen và Kon Plông

Thực vật được ở hai xã Măng Đen và Kon Plông được ghi nhận có nhiều hoạt chất (**HC**): 1 - Xơ (Cellulose, glignin, mucilage...); 2 - Acid hữu cơ (citric, malic, acetic, ascorbic, oxalic...); 3 - Dầu béo; 4 - Acid min; 5 - Lectin (Ricin, abrin...); 6 - Enzyme (ficin, parain, bromelain...); 7 - Alkaloid (Mescaline, stepholidine, solasodine, palmatine...); 8 - Phenolic; 9 - Tanin; 10 - Coumarin; 11 - Glycoside; 12 - Quinon; 13 - Flavonoid; 14 - Anthocyanin; 15 - Steroid; 16 - Lignan; 17 - Sterpenoid (Tetraterpen, caroten, lycopene, lutein, astaxanthin, taraxanthin...); 18 - Saponin; 19 - Vitamin; 20 - Đường; 21 - Tinh bột; 22 - Protein; 23 - Tinh dầu; 24 - Nhựa, chất nhầy; 25 - Nước; 26 - Khoáng; 27 - Kháng sinh và chất chống ung thư (Cephalosporin, chloramphenicol, acetogenin...); 28 - Chất khác; x - Chưa xác định (Bảng 2).

Các loài thực vật được dưới tán rừng Măng Đen và Kon Plông có 8 dạng sống chính với số lượng và tỷ lệ được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ các nhóm dạng sống của các loài thực vật được dưới tán rừng một số vùng xã Măng Đen và Kon Plông

TT	Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Gỗ lớn (trên 30m)	Gl	8	5,06
2	Gỗ trung (8-30m)	Gt	11	6,96
3	Gỗ nhỏ (2-8m)	Gn	21	13,29
4	Cây bụi	Bu	34	21,52
5	Dây leo (gỗ hoặc cỏ leo, bò, quấn)	Dl	22	13,92
6	Cỏ bò	Cb	12	7,59
7	Cỏ đứng	Cd	47	29,75
8	Dạng khác	Kh	1	0,63

Nhóm bệnh được chữa trị (NB) cũng rất phong phú và có tiềm năng chữa nhiều bệnh khác nhau: 1 - Bệnh ngoài da (mụn, nhọt, ghẻ lở, vết thương, hắc lào, vẩy nến, làm đẹp da...); 2 - Trị bỏng; 3 - Bệnh ở trẻ em (tưa lưỡi, chàm lớn, đái dầm...); 4 - Bệnh phụ nữ (kinh nguyệt không đều, bạch đới, khí hư...); 5 - Bệnh thai phụ (ra thai, sốt nhau, sa dạ con...); 6 - Bệnh nam giới (liệt dương, di mộng tinh...); 7 - Bệnh do thời tiết (cảm cúm, đau đầu, sổ mũi, sốt...); 8 - Động vật cắn (rắn, rết, chó, mèo...); 9 - Bệnh về xương khớp (đau nhức, tê thấp, viêm...); 10 - Bệnh về tai, mũi, họng, răng (viêm, đau, sưng...); 11 - Bệnh về mắt (đau mắt, đỏ mắt...); 12 - Bệnh về đường hô hấp (ho, viêm phổi...); 13 - Bệnh tim mạch (suy tim, mỡ máu...); 14 - Huyết áp; 15 - Bệnh về gan, mật (viêm gan, xơ gan,...); 16 - Bệnh về thần kinh (mất ngủ, an thần, nhức đầu, thần kinh suy nhược...); 17 - Chữa nhuận tràng và tẩy; 18 - Nôn mửa; 19 - Trĩ, lòi dom; 20 - Bệnh về đường tiêu hóa (tả lỵ, đau bụng, táo bón, không tiêu...); 21 - Bệnh dạ dày; 22 - Trị giun sán các loại; 23 - An thai, lợi sữa; 24 - Đau ruột, sưng lá lách...; 25 - Bệnh về thận, bàng quang (sỏi thận, lợi tiểu, thông tiểu...); 26 - Bệnh tiểu đường; 27 - Bệnh ung thư, ngừa lão hóa; 28 - Bệnh bướu cổ, nổi hạch; 29 - Kháng sinh, Bệnh do vi khuẩn, vi rút, nhiễm trùng; 30 - Xuất huyết (thở huyết, chảy máu cam...); 31 - Bệnh do trúng độc, giải độc...; 32 - Bồi bổ cơ thể; 33 - Cầm máu; 34 - Thuốc giảm đau; 35 - Giải nhiệt; 36 - Lao.

Dựa theo các tài liệu về cây làm thuốc của Võ (2012), Đỗ (2015) và từ sự điều tra, phỏng vấn người dân ở địa phương sống ở vùng này, đề tài đã thống kê từng bộ phận dùng của các cây thuốc thu được thu được dưới tán rừng ở xã Măng Đen và Kon Plông (Bảng 4).

Bảng 4. Bộ phận sử dụng của các loài dược liệu dưới tán rừng Măng Đen và Kon Plông

T T	Bộ phận dùng	Ký hiệu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Rễ (củ)	Re	54	34,18
2	Thân	Th	29	18,35
3	Lá	La	56	35,44
4	Toàn cây	Tc	60	37,97
5	Vỏ	Vo	17	10,76
6	Hoa	Ho	9	5,70
7	Quả	Qu	24	15,19
8	Hạt (hột)	Ht	15	9,49

4.3. Những loài thực vật dược nguy cấp cần được bảo vệ ở xã Măng Đen và Kon Plông

Trong 158 loài thực vật dược được phát hiện dưới tán rừng một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông, đề tài đã phát hiện 10 loài quý hiếm cần được bảo vệ. Chi tiết được thể hiện trong Bảng 5.

Bảng 5. Các loài thực vật dược quý hiếm cần được bảo tồn dưới tán rừng ở một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông

T T	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Cấp quy định	
			SDVN (2007)	06/2019/NĐ-CP
1	<i>Hedyosmum orientale</i> Merr. & Chun	Mật hương	CR B1+2e	
2	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Giảo cổ lam	EN A1a,c,d.	
3	<i>Panax vietnamensis</i> Ha & Grushv.	Sâm ngọc linh	EN A1a,c,d, B1+2b,c,e	IA
4	<i>Ardisia brevicaulis</i> Diels	Huyết tán	VU A1a,c,d	
5	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f. & Thomson	Sâm dây	VU A1a,c,d+2c,d	IIA
6	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb. ex Murray) Czerep.	Hà thủ ô	VU A1a,c,d	
7	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gạc vòng	VU A1c,d	
8	<i>Schisandra chinensis</i> (Turcz.) Baill.	Ngũ vị tử	VU A1c,d	
9	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Vàng đắng		IIA
10	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	Sưa		IIA

Chú thích: SĐVN: Sách đỏ Việt Nam; NĐ-CP: Nghị định – Chính phủ; CR: Rất nguy cấp; EN: Nguy cấp; VU: Sắp nguy cấp; IA: Nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại; IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Từ Bảng 5 cho thấy, có 8 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam (2007), trong đó có Mật hương (*Hedyosmum orientale* Merr. & Chun) là loài Rất nguy cấp, loài này đang đứng trước nguy cơ rất lớn tuyệt chủng ngoài thiên nhiên trong tương lai. 2 loài đang ở tình trạng Nguy cấp là Sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha & Grushv.) và Giảo cổ lam (*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino), trong đó Sâm Ngọc Linh là loài nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại. 2 loài này đang đối mặt với nguy cơ suy giảm quần thể trầm trọng. 5 loài rơi vào tình trạng Sắp nguy cấp là Ba gạc vòng (*Rauvolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Sâm dây (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook.f. & Thomson), Huyết tán (*Ardisia brevicaulis* Diels), Hà thủ ô (*Fallopia multiflora* (Thunb. ex Murray) Czerep.) và Ngũ vị tử (*Schisandra chinensis* (Turcz.) Baill.). Ngoài ra còn 2 loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ (2019) về việc quản lý, bảo vệ và hạn chế khai thác là Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain) và Vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Gaertn.) Colebr.).

5. Kết luận

Thành phần loài thực vật được thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) dưới tán rừng ở một số vùng thuộc xã Măng Đen và Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi rất đa dạng với 158 loài được xác định thuộc 145 chi, 59 họ. Trong đó họ Cúc (Asteraceae) là họ có số lượng loài nhiều nhất. Thêm vào đó, đề tài xác định được 10 loài có tên trong “Sách đỏ Việt Nam” của Bộ KH-CN (2007) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ (2019). Trong đó có 1 loài đang trong tình trạng rất nguy cấp là Mật hương (*Hedyosmum orientale* Merr. & Chun). Các loài thực vật được có 8 dạng sống chính, tập trung nhiều nhất ở dạng cỏ đứng. Hơn nữa, các loài cây làm thuốc được nghiên cứu với 8 bộ phận sử dụng, trong đó bộ phận dùng nhiều nhất là toàn cây. Đề tài còn xác định được hoạt chất của 144 loài cây thuộc 28 nhóm thành phần hóa học, chiếm số lượng nhiều nhất là các loài chứa nhóm hoạt chất terpenoid. Chưa dừng lại ở đó, các loài thực vật được được thống kê có công dụng chữa trị 36 nhóm bệnh, tập trung phần lớn số lượng loài điều trị ở nhóm bệnh về đường tiêu hóa.

Lời cảm ơn: Kết quả này là một phần của chương trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “CTCS2022-02 - Khảo sát đa dạng tài nguyên thực vật có tiềm năng ứng dụng theo hướng dược liệu phân bố dưới tán rừng ở Khu Măng Đen, Trường Đại học Cần Thơ”.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2007). *Sách đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật)*. Hà Nội: NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. (2000). *Tên cây rừng Việt Nam*. Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Bộ Y tế. (2013). *Ban hành danh mục thuốc thiết yếu thuốc Đông y từ dược liệu lần IV*. Bộ Y tế: Thông tư số 40/2013/TT-BYT ngày 18/11/2013.
- Bộ Y tế. (2024). *Hội nghị về Diễn đàn hòa hợp về chất lượng và tiêu chuẩn hóa thuốc từ dược liệu khu vực Tây Thái Bình Dương (FHH)*. Bộ Y tế: Hội nghị FHH.
- Đỗ, T. L. (2015). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Hà Nội: NXB Y học.
- Nguyễn, N. T. (2007). *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm H. H. (1999). *Cây cỏ Việt Nam (Quyển I)*. TP. HCM: NXB Trẻ.

- Phạm H. H. (2000). *Cây cỏ Việt Nam (Quyển II)*. TP. HCM: NXB Trẻ.
- Phạm H. H. (2003). *Cây cỏ Việt Nam (Quyển III)*. TP. HCM: NXB Trẻ.
- Takhtajan, A. (2009). *Flowering Plants*. Springer Verlag, Berlin. <https://doi.org/10.1007/978-1-4020-9609-9>.
- Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường. (2001). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Tập I)*. Đại học Quốc gia Hà Nội: NXB Nông nghiệp.
- Thủ tướng Chính phủ. (2010). *Kế hoạch hành động của Chính phủ về phát triển y, dược cổ truyền Việt Nam đến năm 2020*. Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010.
- Thủ tướng Chính phủ. (2013). *Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*. Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013.
- Thủ tướng Chính phủ. (2019). *Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*. Thủ tướng Chính phủ: Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum. (2018). *Đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến 2030*. Kon Tum: Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND.
- Võ, V. C. (2003). *Từ điển thực vật thông dụng (Tập 1)*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Võ, V.C. (2004). *Từ điển thực vật thông dụng (Tập 2)*. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Võ, V. C. (2015). *Bài thuốc hay từ cây thuốc quý*. Hà Nội: NXB Y học.
- Võ, V. C. (2022). *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. Hà Nội: NXB Y học.